

# THỐNG KÊ CỦA CẢI QUỐC DÂN TRONG HỆ THỐNG TÀI KHOẢN QUỐC GIA - SNA

TS. Bùi Đức Triệu  
Trường ĐHKQTĐ HN

Của cải quốc dân là một phạm trù quan trọng của thống kê kinh tế. Khái niệm và thành phần nội dung của Của cải quốc dân tồn tại nhiều quan điểm. Theo quan điểm thống kê Xô viết được thể hiện trong hệ thống cân đối kinh tế quốc dân (MPS) thì Của cải quốc dân chỉ là tích lũy vật chất do lao động của con người và tài nguyên thiên nhiên được tính toán và thu hút vào các hoạt động kinh tế. Theo quan điểm này thì giá trị Của cải quốc dân chỉ được tính cho của cải vật chất - là kết quả hoạt động sản xuất của con người. Đất đai, tài nguyên thiên nhiên chỉ được đo bằng đơn vị hiện vật vì toàn bộ nó thuộc về nhà nước và không có giá trị tiền tệ. Cách tiếp cận này đã không đánh giá được đúng đắn quy mô Của cải quốc dân và dẫn đến trên thực tế việc sử dụng nó không có hiệu quả.

Trong các tài liệu của Thống kê Liên Hợp Quốc, phạm trù Của cải quốc dân không được định nghĩa thống kê một cách chính xác. Trong Hệ thống tài khoản quốc gia (SNA) được cơ quan Thống kê Liên Hợp Quốc cùng với IMF, WB, OECD, Eurostat tổ chức soạn thảo năm 1993

(SNA-93) người ta dùng khái niệm tài sản kinh tế đó là các tài sản có quyền sở hữu xác định và có thể đem lại lợi ích kinh tế cho người sở hữu nó. Các tài sản này được ghi trong Bảng cân đối tài sản của các đơn vị thể chế và của nền kinh tế quốc dân. Việc tính toán các chỉ tiêu tài sản kinh tế dựa trên quan điểm của "Lý thuyết nhân tố sản xuất và tăng trưởng kinh tế", quan điểm này cho phép phản ánh kết quả tích lũy các tài sản vật chất, phi vật chất và tài sản tài chính trong thành phần vốn sở hữu của các tổ chức và cá nhân trong các khu vực kinh tế. Tổng thể vốn của các khu vực đó tạo thành vốn sở hữu của đất nước hay là Của cải quốc dân. Từ đó có thể đưa ra khái niệm về Của cải quốc dân theo quan điểm của Thống kê Liên Hợp Quốc (SNA) như sau:

*Của cải quốc dân là tổng thể của cải vật chất do lao động của con người tích lũy lại cùng với đất đai và tài nguyên thiên nhiên không phụ thuộc vào hình thức sở hữu cũng như các tài sản phi vật chất và tài sản tài chính khác.*

So sánh với MPS thì phạm vi tính Của cải quốc dân theo SNA rộng hơn, nó

bao gồm không chỉ tích lũy tài sản vật chất mà cả tích lũy tài sản phi vật chất và tài chính. Tài nguyên thiên nhiên trong MPS chỉ được coi là Của cải quốc dân khi đã được khảo sát, thăm dò, tính toán và có thể đem sử dụng vào những hoạt động kinh tế xã hội. Theo SNA thì một đặc trưng của tài nguyên thiên nhiên như đất đai, tài nguyên trong lòng đất, nguồn sinh vật không do nuôi trồng và nguồn nước (gọi là tài sản vật chất không do sản xuất) là quyền sở hữu của nó được thiết lập và có thể bán lại cho người khác. Nếu không có quyền đó thì không được coi là Của cải quốc dân. Theo tiêu chí này thì một số tài nguyên thiên nhiên rất quan trọng và có giá trị nhưng không nằm trong phạm vi tính của Của cải quốc dân, ví dụ: Biển và không khí. Tài nguyên thiên nhiên theo MPS chỉ được xác định theo đơn vị hiện vật còn theo SNA nó được xác định theo cả đơn vị hiện vật và đơn vị giá trị.

Trước đây theo MPS Của cải quốc dân thường được phân thành hai bộ phận tài sản quốc dân và tài nguyên thiên nhiên. Tài sản quốc dân là toàn bộ của cải vật chất do lao động sáng tạo ra được tích lũy lại. Tài nguyên thiên nhiên bao gồm đất đai, các nguồn khoáng sản, năng lượng, nguồn nước, rừng,... đã được tính toán và sử dụng vào các hoạt động kinh tế.

Với việc chuyển đổi từ hệ thống MPS sang SNA thì cách phân loại trên không còn phù hợp nữa mà cần phải soạn thảo lại theo quan điểm của SNA cùng với những thành phần và nội dung mới.

SNA-93 đã có nhiều bổ sung, hoàn thiện so với các lần biên soạn trước, trong đó có Hệ thống chỉ tiêu đã phối hợp với các khái niệm, định nghĩa của MPS. Ví dụ

các hàng hoá phục vụ nhu cầu tiêu dùng cuối cùng của gia đình như ô tô, xe máy, tủ lạnh, ti vi,... không phải để tích lũy, có thời gian sử dụng từ một năm trở lên, là một trong những thành phần cơ bản của Của cải quốc dân theo cách tính của MPS. Khoản này trước nay chỉ tính vào nhóm hàng tiêu dùng mà không được tính vào tài khoản tích lũy của SNA, nó là khoản ghi nhớ của Bảng cân đối tài sản, trong thực tế nó chiếm một khối lượng rất lớn giá trị của cải và cần được tính đến trong phân tích kinh tế quá trình tái sản xuất xã hội. Vì thế theo tiêu chuẩn mới của SNA-93 khuyến nghị cơ quan thống kê các nước cần thiết lập bảng chỉ dẫn cách tính tích lũy các tài sản gia đình này. Tuy nhiên thành phần các chỉ tiêu của bảng thì không được ấn định bởi các chuẩn mực quốc tế. Các tích lũy các tài sản gia đình này có thể được ghi trong khoản mục "Hàng tiêu dùng sử dụng lâu dài" và được xếp vào nhóm tài sản phi tài chính trong bảng phân loại Của cải quốc dân dưới đây.

Cùng với khoản mục "Hàng tiêu dùng sử dụng lâu dài", tiêu chuẩn của SNA-93 cũng khuyến nghị thành lập thêm một bảng chỉ dẫn các chỉ tiêu "Đầu tư trực tiếp nước ngoài" với các hình thức cổ phần và góp vốn khác nhau của các chủ thể đầu tư nước ngoài trên nước sở tại. Bằng các chỉ tiêu của bảng này có thể tính chính xác hơn giá trị thực tế của tích lũy tài sản thuộc về sở hữu của nước đó, các chỉ tiêu đó có thể được ghi vào khoản mục "Đầu tư trực tiếp nước ngoài" và được xếp vào nhóm tài sản tài chính trong bảng phân loại Của cải quốc dân.

Như trên đã nói phạm trù Của cải quốc dân không được định nghĩa thống kê một cách chính xác trong SNA, dựa vào

bảng phân loại tài sản và các khuyến nghị của SNA-93 có thể phân loại Của cải quốc

dân thành hai nhóm lớn tài sản tài chính và tài sản phi tài chính theo sơ đồ sau:

I - TÀI SẢN PHI TÀI CHÍNH	II- TÀI SẢN TÀI CHÍNH
<b>1. Tài sản do sản xuất</b>	1. Tiền vàng và quyền vay đặc biệt
<b>1.1. Tài sản vật chất</b>	2. Tiền mặt và ký quỹ
1.1.1. Tài sản cố định	3. Các chứng khoán (trừ cổ phiếu)
1.1.2. Dự trữ và tài sản lưu động vật chất	4. Các khoản vay
1.1.3. Tài sản quý hiếm	5. Cổ phiếu và các hình thức góp vốn khác
1.1.4. Hàng tiêu dùng sử dụng lâu dài (?)	6. Dự trữ kỹ thuật của bảo hiểm
<b>1.2. Tài sản phi vật chất</b>	7. Các khoản tín dụng khác
1.2.1. Chi phí thăm dò khoáng sản	8. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (?)
1.2.2. Phần mềm vi tính và cơ sở dữ liệu.	* <b>Chú giải:</b> Khoản mục có dấu (?) là khoản mục theo SNA-93 khuyến nghị cần nghiên cứu, soạn thảo và tính toán thêm.
1.2.3. Tác phẩm nghệ thuật, văn học, giải trí gốc	
1.2.4. Tài sản phi vật chất khác	
<b>2. Tài sản không do sản xuất</b>	
<b>2.1. Tài sản vật chất</b>	<p>Tài sản phi tài chính do sản xuất ra bao gồm: Tài sản cố định, dự trữ và tài sản lưu động vật chất, tài sản quý hiếm.</p> <p>Tài sản cố định là tài sản được sử dụng liên tục, nhiều lần và trong thời gian dài vào quá trình sản xuất. Tài sản cố định vật chất bao gồm nhà cửa (cả nhà ở), máy móc, thiết bị và các tài sản nuôi trồng.</p> <p>Tài sản nuôi trồng là một thành phần cơ bản của tài sản cố định trong nông nghiệp, nó bao gồm giá trị của các vườn cây lâu năm, đàn gia súc sinh sản, lấy sữa, lông và già súc cày kéo.</p> <p>Dự trữ và tài sản lưu động vật chất bao gồm nhiên liệu, nguyên liệu, thành phẩm, nửa thành phẩm và cả sản phẩm dở dang.</p>
2.1.1. Đất đai	
2.1.2. Khoáng sản	
2.1.3. Nguồn sinh vật không do nuôi trồng	
2.1.4. Nguồn nước	
<b>2.2. Tài sản phi vật chất</b>	
2.2.1. Giấy phép kinh doanh, bản quyền tác giả	
2.2.2. Hợp đồng cho thuê	
2.2.3. Uy tín, nhãn mác công ty	
2.2.4. Tài sản phi vật chất khác	

Tài sản do sản xuất là tài sản được tạo ra từ các quá trình sản xuất là kết quả của hoạt động sản xuất của con người, tài sản không do sản xuất là tài sản được tạo ra không phải từ các quá trình sản xuất.

Tài sản quý hiếm bao gồm: Đá quý, kim loại quý, bộ sưu tập, đồ cổ quý đất không nằm trong vốn lưu động có nghĩa là nó được dùng cho cất trữ.

Đất đai là tài sản không do sản xuất ra, các hoạt động làm tăng giá trị của đất như khai hoang, cải tạo đất chỉ làm tăng giá trị sử dụng đất hay năng suất đất. Tài sản đất đai theo SNA bao gồm mặt đất, mặt nước, không bao gồm các công trình xây dựng, nuôi trồng, các nguồn sinh vật không do nuôi trồng và tài nguyên dưới lòng đất.

Nguồn sinh vật không do nuôi trồng như: Rừng tự nhiên, động vật quý hiếm, nguồn thủy hải sản tự nhiên.

Theo SNA-93 thì nguồn nước mặt được tính vào tài nguyên đất, nguồn nước (ở mục 2.1.4. theo sơ đồ trên) chỉ tính trừ lượng nước ngầm.

Tiền vàng là vàng được coi là tiền, đó là vàng dự trữ của ngân hàng TW, nó khác với vàng trong thị trường là tài sản lưu động hoặc quý hiếm. Quyền vay đặc biệt (hay quyền rút tiền đặc biệt) được Quỹ Tiền tệ quốc tế thành lập với tư cách là tài sản tài chính quốc tế được phân phối giữa các thành viên với mục đích bổ sung nguồn dự trữ của các nước trên.

Chứng khoán được mua bán trên thị trường tài chính, đem lại cho người sở hữu

một khoản thu nhập nhất định bằng tiền như các trái phiếu, kỳ phiếu,...

Cổ phiếu và các hình thức góp vốn khác dưới dạng giấy tờ nào đó, thể hiện quyền sở hữu đối với công ty và được hưởng lãi cổ phần, trường hợp công ty phá sản thì được chia một phần giá trị sau khi trả hết các khoản nợ của công ty.

Dự trữ kỹ thuật của bảo hiểm là tài sản cho người nắm giữ giấy bảo hiểm và là bắt buộc đối với các công ty bảo hiểm cũng như các quỹ hưu trí.

Quan điểm và những chuẩn mực mới của SNA-93 đòi hỏi những thông tin mới về quá trình tích lũy. Trong khi đó những thông tin như thể cơ quan thống kê không thể nghiên cứu, soạn thảo đầy đủ và kịp thời ngay được. Thực trạng đó không chỉ ở Việt Nam, ở các nước có nền kinh tế chuyển đổi mà cả nhiều nước khác trên thế giới. Bởi vì nó đòi hỏi sự nghiên cứu và soạn thảo mới về phân loại, về phương pháp tính các chỉ tiêu Của cải quốc dân, đặc biệt là cho các tài sản tài chính và phi tài chính. Trong những năm sắp tới quan điểm mới này sẽ được tất cả các nước áp dụng vào thực tiễn hoạt động thống kê Của cải quốc dân của nước mình.